

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thu Lan ;
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 469/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức N, trú tại: Khu X, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, trú tại: Khu X, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đức N trình bày:

Anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị H kết hôn từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không đồng nhất về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Anh Nguyễn Đức N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Anh Nguyễn Đức N trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức P, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2001 hiện đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng và Nguyễn Đức D sinh ngày 22 tháng 9 năm 2008, anh Nguyễn Đức N đề nghị để chị Nguyễn Thị H nuôi con và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Về tài sản chung và công nợ của vợ chồng anh Nguyễn Đức N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có bản tự khai trình bày thống nhất với anh Nguyễn Đức N về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng về tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2019 anh Nguyễn Đức N gọi điện nói với chị H là có quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng mới căng thẳng không giải quyết được. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm nhau. Nay chị Nguyễn Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Đức N có đơn ly hôn, chị Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn với điều kiện anh Nguyễn Đức N phải thỏa thuận xong về nợ chung của vợ chồng. Về con chung chị Nguyễn Thị H trình bày thống nhất như anh Nguyễn Đức N trình bày. Về tài sản chung vợ chồng chị Nguyễn Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết nhưng chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết nợ chung của vợ chồng với số tiền nợ là 347.500.000đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn là anh Nguyễn Đức N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chị Nguyễn Thị H không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Xử: Cho anh N và chị H được ly hôn; về con chung: Giao con Nguyễn Đức D, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2008 cho chị H nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh N không yêu cầu tòa án giải quyết, chị H yêu cầu chia khoản

tiền nợ chung của vợ chồng là 347.500.000đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Quá trình xác minh chị H không nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án và không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Đức N xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H hiện cư trú tại: Thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là anh N có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là anh N và bị đơn là chị H.

- Về nội dung:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 9 năm 1999 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau không chung thủy, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, lúc nào cũng căng thẳng. Gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi. Hiện vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N có đơn xin ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Anh N và chị H có 02 con chung Nguyễn Đức P, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2001 hiện đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng và Nguyễn Đức D sinh ngày 22 tháng 9 năm 2008, anh Nguyễn Đức N đề nghị để chị Nguyễn Thị H nuôi con và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng); phía chị H cũng đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Xét hiện chị H đang trực tiếp nuôi con và cháu Nguyễn Đức D có nguyện vọng được ở với mẹ nên căn cứ Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con Nguyễn Đức D cho chị H nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung của vợ chồng số tiền là 347.500.000đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Tòa án nhân dân huyện An Lão có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 351/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ số 352/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2021. Chị H nhận các thông báo trên vào ngày 18 tháng 5 năm 2021 nhưng đến nay chị H không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án và cũng không giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên căn cứ khoản 5 Điều 189 và điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh N và chị H.

[6] *Về án phí*: Anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức N.

1. Cho anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị H được ly hôn

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Đức D, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, anh Nguyễn Đức N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Đức N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011731 ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Đức N còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

